

Số: 5322/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 15 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết 185/NQ – HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ hồ sơ xin miễn, giảm học phí của sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí cho **118** sinh viên **khóa 51** có tên sau đây là con thương binh, con bệnh binh, con công nhân viên bị tai nạn lao động, sinh viên khuyết tật, sinh viên mồ côi cha mẹ, người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn:

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Thời gian miễn, giảm học phí từ **học kỳ 1, 2025-2026**. Mức học phí miễn, giảm được căn cứ theo số tín chỉ quy định trong khối lượng chương trình đào tạo của Trường và quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung sẽ không được tính miễn, giảm học phí.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Chánh Văn phòng Trường Đại học Cần Thơ, các Trưởng phòng: Công tác Sinh viên, Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.CTSV.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
*(Kèm theo Quyết định số: 5322/QĐ-ĐHCT, ngày 15 tháng 10 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)*

STT	MSSV	Họ và tên	Đối tượng miễn, giảm	Tỉ lệ miễn, giảm
1	B2507962	Nguyễn Hoàng Huy	Con CNV bị TNLĐ	50%
2	B2500189	Sơn Thị Yến Trang	DTTS ở vùng ĐBK	70%
3	B2500321	Thạch Thị Mỹ	DTTS ở vùng ĐBK	70%
4	B2500395	Thạch Tuyết Nhi	DTTS ở vùng ĐBK	70%
5	B2500654	Trần Thanh Luân	DTTS ở vùng ĐBK	70%
6	B2500671	Hứa Ngọc Quý	DTTS ở vùng ĐBK	70%
7	B2500684	Trần Trọng Tín	DTTS ở vùng ĐBK	70%
8	B2500752	Liêu Kim Thừa	DTTS ở vùng ĐBK	70%
9	B2500802	Danh Thiện Nhân	DTTS ở vùng ĐBK	70%
10	B2500816	Lâm Thị Bích Thanh	DTTS ở vùng ĐBK	70%
11	B2500841	Thạch Bi	DTTS ở vùng ĐBK	70%
12	B2500847	Sơn Phước Hảo	DTTS ở vùng ĐBK	70%
13	B2500876	Trần Minh Thuận	DTTS ở vùng ĐBK	70%
14	B2500883	Thạch Minh Trường	DTTS ở vùng ĐBK	70%
15	B2501155	Thạch Thị Ngọc Hân	DTTS ở vùng ĐBK	70%
16	B2501194	Lý Minh Toàn	DTTS ở vùng ĐBK	70%
17	B2501344	Lý Khánh Ly	DTTS ở vùng ĐBK	70%
18	B2501349	Huỳnh Thị Thanh Ngân	DTTS ở vùng ĐBK	70%
19	B2501373	Nguyễn Thái Quốc Anh	DTTS ở vùng ĐBK	70%
20	B2501551	Nguyễn Thị Như Huỳnh	DTTS ở vùng ĐBK	70%
21	B2501568	Huỳnh Tố Như	DTTS ở vùng ĐBK	70%
22	B2501597	Tạ Minh Dương	DTTS ở vùng ĐBK	70%
23	B2501746	Chau Rách	DTTS ở vùng ĐBK	70%
24	B2501831	Lý Phúc Lợi	DTTS ở vùng ĐBK	70%
25	B2502156	Vương Hồng Mơ	DTTS ở vùng ĐBK	70%
26	B2502836	Tạ Thái Gia Huy	DTTS ở vùng ĐBK	70%
27	B2502852	Thạch Quách Công Lý	DTTS ở vùng ĐBK	70%
28	B2502883	Kim Thị Anh Thư	DTTS ở vùng ĐBK	70%
29	B2502913	Sơn Thị Dương	DTTS ở vùng ĐBK	70%
30	B2502947	Lâm Thị Huỳnh Như	DTTS ở vùng ĐBK	70%
31	B2502962	Lý Thị Kim Thư	DTTS ở vùng ĐBK	70%
32	B2503244	Châu Phúc Lợi	DTTS ở vùng ĐBK	70%
33	B2503269	Lý Thị Phương Vy	DTTS ở vùng ĐBK	70%
34	B2503482	Kim Khánh Nam	DTTS ở vùng ĐBK	70%
35	B2503554	Quách Sô Quang	DTTS ở vùng ĐBK	70%
36	B2503616	Lâm Tuyết Ngân	DTTS ở vùng ĐBK	70%
37	B2503911	Chau Som Nang	DTTS ở vùng ĐBK	70%
38	B2503929	Chau Phi Runh	DTTS ở vùng ĐBK	70%

STT	MSSV	Họ và tên	Đối tượng miễn, giảm	Tỉ lệ miễn, giảm
39	B2503958	Kim Hoàng Anh	DTTS ở vùng ĐBK	70%
40	B2504002	Neáng Sóc Phol	DTTS ở vùng ĐBK	70%
41	B2504011	Sơn Bô Ni Sa	DTTS ở vùng ĐBK	70%
42	B2504012	Chau Kim Sang	DTTS ở vùng ĐBK	70%
43	B2504077	Neáng Canh Nha	DTTS ở vùng ĐBK	70%
44	B2504144	Lý Minh Châu	DTTS ở vùng ĐBK	70%
45	B2504281	Lâm Thị Ngọc Niêm	DTTS ở vùng ĐBK	70%
46	B2504366	Châu Minh Điền	DTTS ở vùng ĐBK	70%
47	B2504817	Danh Tiến Anh Thư	DTTS ở vùng ĐBK	70%
48	B2504846	Huỳnh Đoan Lý	DTTS ở vùng ĐBK	70%
49	B2504958	Sơn Minh Dũng	DTTS ở vùng ĐBK	70%
50	B2505100	Lâm Gia Huy	DTTS ở vùng ĐBK	70%
51	B2505275	Nguyễn Chúc Anh	DTTS ở vùng ĐBK	70%
52	B2505396	Lâm Thị Ngọc Hân	DTTS ở vùng ĐBK	70%
53	B2505550	Tiết Anh Thư	DTTS ở vùng ĐBK	70%
54	B2505568	Trần Thái Bình	DTTS ở vùng ĐBK	70%
55	B2505795	Huỳnh Nhã	DTTS ở vùng ĐBK	70%
56	B2505813	Trương Thị Tuyết Trinh	DTTS ở vùng ĐBK	70%
57	B2505852	Vương Huỳnh Nghi	DTTS ở vùng ĐBK	70%
58	B2506366	Chau Quanh Ly Đa	DTTS ở vùng ĐBK	70%
59	B2506390	Thị Hồng Loan	DTTS ở vùng ĐBK	70%
60	B2506481	Thạch Hiệp Thành	DTTS ở vùng ĐBK	70%
61	B2506694	Neàng Mây	DTTS ở vùng ĐBK	70%
62	B2506770	Lâm Dũ Quyên	DTTS ở vùng ĐBK	70%
63	B2506774	Kiểm Nhật Thanh	DTTS ở vùng ĐBK	70%
64	B2506781	Phan Thị Tú Trinh	DTTS ở vùng ĐBK	70%
65	B2506784	Thạch Thị Diễm Tuyết	DTTS ở vùng ĐBK	70%
66	B2506873	Lâm Thịnh Phát	DTTS ở vùng ĐBK	70%
67	B2506918	Diệp Văn Chuyên	DTTS ở vùng ĐBK	70%
68	B2507269	Danh Quy Nhân	DTTS ở vùng ĐBK	70%
69	B2507275	Hứa Thanh Phú	DTTS ở vùng ĐBK	70%
70	B2507491	Trần Thị Yến Như	DTTS ở vùng ĐBK	70%
71	B2507600	Chau Nam	DTTS ở vùng ĐBK	70%
72	B2507907	Lâm Hoàng Nam	DTTS ở vùng ĐBK	70%
73	B2507951	Thạch Lâm Vũ Hàng	DTTS ở vùng ĐBK	70%
74	B2508351	Nguyễn Ngọc Anh Đào	DTTS ở vùng ĐBK	70%
75	B2508472	Lý Thành Công	DTTS ở vùng ĐBK	70%
76	B2508849	Cao Linh Đa	DTTS ở vùng ĐBK	70%
77	B2509050	Néang Kim Sinh	DTTS ở vùng ĐBK	70%
78	B2509105	Danh Phong	DTTS ở vùng ĐBK	70%
79	B2509146	Sơn Tuấn Kiệt	DTTS ở vùng ĐBK	70%
80	B2509163	Quách Huỳnh Như	DTTS ở vùng ĐBK	70%
81	B2509167	Trần Gia Phước	DTTS ở vùng ĐBK	70%
82	B2509245	Thạch Thị Bé Trang	DTTS ở vùng ĐBK	70%
83	B2509287	Thái Ngọc Anh Thư	DTTS ở vùng ĐBK	70%

STT	MSSV	Họ và tên	Đối tượng miễn, giảm	Tỉ lệ miễn, giảm
84	B2509297	Dương Thúy An	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
85	B2509367	Lê Phương Thảo	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
86	B2509561	Trần Thị Sây La	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
87	B2509656	Nguyễn Khánh Duy	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
88	B2509772	Nhan Tuyền Vinh	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
89	B2509804	Chau Sóc Pha Nin	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
90	B2509841	Tào Lập Nguyên	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
91	B2510050	Thạch Trương Tường Vy	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
92	B2510207	Sơn Minh Khánh	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
93	B2510220	Lưu Thảo Nguyên	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
94	B2510305	Thạch Trần Thiên Tú	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
95	B2510308	Kim Thị Thái Y	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
96	B2510491	Trâm Thị Mỹ Ngân	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
97	B2510685	Kim Thị Ngọc Duyên	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
98	B2510710	Lâm Thị Bé Nguyên	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
99	B2510738	Dương Văn Bo	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
100	B2510746	Lâm Mỹ Hạnh	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
101	B2510781	Kim Thị Anh Thư	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
102	B2500617	Trịnh Thị Tuyết Trâm	Con bệnh binh	miễn học phí
103	B2503480	Lưu Minh Mạnh	Con thương binh	miễn học phí
104	B2507343	Huỳnh Lâm Kim Ngân	Con thương binh	miễn học phí
105	B2510055	Nguyễn Hải Đăng	Con thương binh	miễn học phí
106	B2509223	Nguyễn Ngọc Tâm Nguyên	Con thương binh	miễn học phí
107	B2502710	Huỳnh Hạnh	Con thương binh	miễn học phí
108	B2510153	Nguyễn Phùng Ngọc Bích	Con thương binh	miễn học phí
109	B2500207	Quách Trần Minh Anh	Khuyết tật	miễn học phí
110	B2501320	Nguyễn Kiều Vi	Khuyết tật	miễn học phí
111	B2503181	Phạm Thanh Hải	Khuyết tật	miễn học phí
112	B2503381	Lê Đình Tâm	Khuyết tật	miễn học phí
113	B2504940	Phạm Nguyễn Thái Thanh	Khuyết tật	miễn học phí
114	B2507970	Mai Văn Chí Khanh	Khuyết tật	miễn học phí
115	B2508857	Triệu Khang	Khuyết tật	miễn học phí
116	B2508699	Dương Thuý Ngân	Mồ côi cha mẹ	miễn học phí
117	B2509630	Võ Hồng Phúc	Mồ côi cha mẹ	miễn học phí
118	B2511376	Võ Phú Cường	Mồ côi cha mẹ	miễn học phí

Danh sách có **118** sinh viên./.